

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác¹:

¹ Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về điều kiện thực hiện; lập phương án, phê duyệt phương án, trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Điều 2. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Đảm bảo các điều kiện quy định theo Điều 29, Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ;

2.² Có phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác, với diện tích trồng rừng thay thế ít nhất bằng diện tích rừng chuyển sang mục đích khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; hoặc chứng từ nộp tiền trồng rừng thay thế.

Điều 3. Lập, đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác

1.³ Tổ chức, cá nhân là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế (sau đây viết tắt là phương án) trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phê duyệt. Trường hợp diện tích rừng chuyển sang mục đích khác nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì lập các phương án riêng đối với từng tỉnh.

a) Trường hợp các dự án có vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trước khi Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 có hiệu lực thi hành thì không nhất thiết phải xây dựng phương án trồng rừng thay thế riêng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp danh sách, diện tích phải trồng rừng thay thế của các dự án này, xây dựng 01 Phương án trồng rừng thay thế chung trên địa bàn toàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này;

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

b) Trường hợp các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích kinh doanh, chủ dự án không có điều kiện tự tổ chức trồng rừng thay thế mà thực hiện việc nộp tiền để trồng rừng thay thế thì không phải lập phương án trồng rừng thay thế, tổ chức thực hiện theo Điều 6 văn bản này.

2. Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này và phải thể hiện chi tiết các nội dung sau:

a)⁴ Tên Phương án đầu tư trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác;

b) Diện tích rừng chuyển sang mục đích khác, chi tiết đến từng loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); mô tả trạng thái từng lô rừng;

c) Diện tích đất trồng rừng thay thế, chi tiết về vị trí, địa hình, địa danh, loại rừng được quy hoạch phát triển rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) cụ thể đến từng lô; loài cây dự kiến trồng và phương thức trồng;

d) Kế hoạch tiến độ trồng rừng thay thế; mức đầu tư bình quân 1 ha; tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế;

đ) Tổ chức quản lý, bố trí các nguồn lực, tổ chức thực hiện phương án.

3. Đề nghị phê duyệt phương án

a) Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án gồm: văn bản đề nghị phê duyệt phương án theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này; phương án quy định tại Khoản 2 của Điều này; bản đồ thiết kế và các tài liệu có liên quan;

b) Số lượng hồ sơ 05 bộ, gồm: 01 bộ bản chính, 04 bản sao chụp.

4. Cách thức nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế.

Điều 4. Thẩm định và phê duyệt phương án

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án.

2.⁵ Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập Hội đồng thẩm định phương án gồm: đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện

⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

tích đất trồng rừng thay thế, tổ chức khoa học có liên quan, số thành viên Hội đồng tối thiểu là 5 (năm), một lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ tịch Hội đồng.

Trường hợp Phương án trồng rừng thay thế có tổng diện tích dưới 50 hecta thì không nhất thiết thành lập Hội đồng thẩm định Phương án với đầy đủ thành phần quy định trên đây. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định số lượng thành phần Hội đồng thẩm định phù hợp

3. Tổ chức thẩm định:

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định. Trường hợp cần phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án được kéo dài không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định tại điểm a, b, Khoản 3, Điều 3 của Thông tư này, thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

Việc họp Hội đồng thẩm định phương án phải được lập thành biên bản, ghi ý kiến của các thành viên Hội đồng, kết luận của chủ tọa cuộc họp, biên bản phải được các thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết lý do.

4. Phê duyệt phương án: trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

Điều 5. Tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế

Sau khi phương án trồng rừng thay thế được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh duyệt, chủ dự án phải tổ chức thiết kế trồng rừng thay thế theo quy định tại Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh và quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thực hiện nghiêm túc việc trồng rừng thay thế theo đúng phương án và thiết kế; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giải quyết trồng rừng thay thế đối với các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích kinh doanh mà chủ dự án không có điều kiện tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế.⁶

1. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn:

a) Đối với dự án đã chuyển mục đích sử dụng rừng trước thời điểm Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các dự án trồng rừng thay thế thực hiện việc nộp tiền trồng rừng thay thế chậm nhất trước ngày 30/9/2015;

b) Đối với dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sau thời điểm Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 có hiệu lực thi hành, chủ dự án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế.

Hồ sơ gồm: Văn bản của chủ dự án đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế; thuyết minh dự án đầu tư có thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng (gửi kèm văn bản).

Số lượng và cách thức nộp hồ sơ: 01 bộ, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án biết để thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đơn giá trồng rừng, tổng số tiền, thời gian chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế. Đơn giá trồng rừng thay thế được tính theo đơn vị đồng/ha (bao gồm cả chi phí khảo sát, thiết kế, xây dựng rừng, chi phí quản lý đến khi thành rừng) theo mức dự toán trồng rừng bình quân trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án nộp tiền;

d) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế.

2. Trường hợp địa phương không còn quỹ đất để trồng rừng thay thế:

a) Đối với dự án đã chuyển mục đích sử dụng rừng trước thời điểm Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các dự án trồng rừng thay thế thực hiện việc nộp tiền trồng rừng thay thế chậm nhất trước ngày 30/9/2015;

⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

b) Đối với dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sau thời điểm Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 có hiệu lực thi hành, chủ dự án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ dự án. Hồ sơ gồm: Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; danh sách các dự án thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế (gửi kèm văn bản) được lập theo mẫu tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Số lượng và cách thức nộp hồ sơ: 01 bộ, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

d) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, bố trí diện tích trồng rừng thay thế trên địa bàn của địa phương khác trong phạm vi cả nước; quyết định đơn giá trồng rừng, tổng số tiền, thời gian chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế; thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và chủ dự án biết để thực hiện;

đ) Đơn giá trồng rừng thay thế được tính theo đơn vị đồng/ha (bao gồm cả chi phí khảo sát, thiết kế, xây dựng rừng, chi phí quản lý đến khi thành rừng) theo mức dự toán trồng rừng bình quân tại thời điểm chủ dự án nộp tiền;

e) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Trung ương tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức trồng rừng thay thế.

3. Số tiền nộp vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng để trồng rừng thay thế chỉ được bố trí trồng rừng phòng hộ, đặc dụng.

Điều 7. Hiệu lực thi hành⁷

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Đối với các dự án đã chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhưng chưa thực hiện việc trồng rừng thay thế từ khi Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của

⁷ Điều 2 của Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015, quy định như sau:

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời thông tin về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tổ chức rà soát trong quý III năm 2013, yêu cầu chủ dự án thực hiện hoàn thành việc trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư này chậm nhất trong năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giải quyết./

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 05/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2016

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Phụ lục 01: ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN
TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG SỬ DỤNG CHO MỤC KHÁC

Dự án:.....

Kính gửi:.....

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ Thông tư...../2013/TT-BNNPTNT ngày...../...../2013 Quy định về
trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích
khác, đề nghị..... phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:

Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:

Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:

Đối tượng rừng chuyển đổi:

Diện tích đất trồng rừng thay thế:

Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh....., tiểu khu.... xã..... Huyện..... tỉnh.....

Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....

Phương án trồng rừng thay thế:

- Loại cây trồng:.....

- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....

- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....

- Thời gian trồng:.....

Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế:

..... (tên tổ chức) cam đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước về trồng
rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện của tổ chức

(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 02: PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG****III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH**

1. Tên dự án:
2. Vị trí khu rừng: Diện tích..... ha, Thuộc khoảnh,..... lô.....
Các mặt tiếp giáp.....;
- Địa chỉ khu rừng: Thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....;
3. Địa hình: Loại đất..... độ dốc.....;
4. Khí hậu:.....;
5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng.....;

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện
 - Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Đối tượng rừng chuyển đổi:
 - + Trạng thái rừng.....
 - + Trữ lượng rừng..... m³, tre, nứa..... cây
 - Diện tích đất trồng rừng thay thế:
 - + Vị trí trồng: thuộc khoảnh....., tiểu khu..... xã..... huyện..... tỉnh.....
 - + Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....
 - Kế hoạch trồng rừng thay thế
 - + Loại cây trồng.....
 - + Mật độ.....
 - + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....
 - + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:
 - + Thời gian và tiến độ trồng:.....
 - + Xây dựng đường băng cản lửa.....
 - + Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....
 - + Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.
2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)
 - Lý do xây dựng phương án
 - Dự toán kinh phí thực hiện phương án

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

PHỤ LỤC 03: PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ DIỆN TÍCH RỪNG CHUYỂN SANG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG⁸

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG ĐÃ CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH

Tổng diện tích rừng đã chuyển đổi sang xây dựng các công trình công cộng phải trồng rừng thay thế:..... ha, trong đó:

- Rừng đặc dụng:..... ha;
- Rừng phòng hộ:..... ha;
- Rừng sản xuất:..... ha.

(chi tiết các công trình/dự án tại biểu tổng hợp kèm theo)

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu

2. Nội dung phương án

- Tổng diện tích trồng rừng thay thế:..... ha
- Vị trí trồng: thuộc tiểu khu....., xã....., huyện.....
- Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ; đặc dụng; sản xuất); hiện trạng.....
(nếu bố trí tại nhiều vị trí, phải ghi cụ thể thông tin tên tiểu khu, xã, huyện, đối tượng đất rừng, diện tích bố trí trồng rừng và hiện trạng từng vị trí)

Kế hoạch trồng rừng thay thế

- + Loài cây trồng:.....
- + Mật độ:.....
- + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....
- + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:
- + Thời gian và tiến độ trồng:.....
- + Xây dựng đường băng cản lửa.....
- + Đơn vị thực hiện:.....
- + Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....
- + Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế:.....
- + Nguồn kinh phí:.....

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

⁸ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

**Mẫu biểu 01: TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
PHẢI TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Tên dự án/công trình	Chủ đầu tư	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Ghi chú
	Tổng cộng			

**PHỤ LỤC 04: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ
NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ VÀO QUỸ BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM⁹**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Mục đích sử dụng sau chuyển đổi rừng	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Ghi chú
	Tổng cộng				

⁹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.